

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ - ST
Ngày 21-01-2020
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Bích Ngọc.

Ông Nguyễn Văn Hạnh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân tham gia phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Lan Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 470/2019/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 690/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T; đăng ký thường trú: Số 24/23/182 T, phường T, quận L, Hải Phòng; chỗ ở: T, L, V, Hải Phòng; có mặt.

Bị đơn: Anh Đào Tiến A; đăng ký thường trú: Số 24/23/182 T, phường T, quận L, Hải Phòng; chỗ ở: Số 82A/732 N, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 7 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày: Chị T và anh Đào Tiến A xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, Lê Chân, Hải Phòng ngày 14/01/2006.

Thời gian đầu chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do anh A không có việc làm, mải chơi bời, kinh tế gia đình gặp khó khăn nên vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau. Ngoài ra anh A

còn sử dụng ma túy đá, nghi ngờ chị có quan hệ với người đàn ông khác nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình động viên khuyên giải nhưng không có kết quả. Từ tháng 6/2019 vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đào Tiến A.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đào Tiến D, sinh ngày 13/9/2006 và Đào Như Q, sinh ngày 19/4/2008. Ly hôn chị xin nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập anh A đến Tòa án để giải quyết việc chị T có đơn xin ly hôn nhưng anh A không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 03/12/2019 anh A đến Tòa và trình bày: Anh A nhất trí với lời trình bày của chị T về thời gian kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng nhau về quan điểm sống, cách sống, ngoài ra chị T có quan hệ với người đàn ông khác, bản thân anh cũng thỉnh thoảng sử dụng ma túy đá do bạn bè lôi kéo. Anh A đã nhận ra sai lầm của mình và muốn chị T tha thứ. Từ tháng 6 năm 2019 đến nay hai vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi. Nay chị T có đơn ly hôn anh A đề nghị Tòa án hòa giải vợ chồng về đoàn tụ. Nếu chị T cương quyết xin ly hôn thì anh A cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là Đào Tiến D, sinh ngày 13/9/2006 và Đào Như Q, sinh ngày 19/4/2008. Tại biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ anh trình bày nếu chị T cương quyết xin ly hôn thì anh đồng ý giao cả hai con cho chị T nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận.

Về tài sản chung: Anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ với đại diện gia đình và đại diện chính quyền địa phương thấy: Chị T và anh A xây dựng gia đình với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống hai bên có mâu thuẫn do anh A thiếu trách nhiệm với gia đình nên vợ chồng có xảy ra cãi vã.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo

quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự và các tài liệu Tòa án đã thu thập thể hiện mâu thuẫn của chị T và anh A không thể hòa giải, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về con chung: Đề nghị Tòa án giao cả hai con là Đào Tiến D và Đào Như Q cho chị T nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Đào Tiến A vắng mặt lần thứ hai không có lý do, do vậy HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Đào Tiến A.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: theo đơn khởi kiện xin ly hôn thể hiện anh Đào Tiến A; đăng ký thường trú: Số 24/23/182 T, phường T, quận L, Hải Phòng; chỗ ở: Số 82A/732 N, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị Bùi Thị T và anh Đào Tiến A tuân thủ đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh A nhưng anh A không đến Tòa để giải quyết vụ án. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 03/12/2019 anh A và chị T xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn nguyên nhân do anh A mãi chơi, không chăm lo đến gia đình, ngoài ra anh A còn có thời gian sử dụng ma túy đá. Mặt khác hai vợ chồng không tin tưởng nhau về mặt tình cảm. Đồng thời qua các tài liệu xác minh thu thập chứng cứ đã xác nhận chị T và anh A có mâu thuẫn, hai bên đã sống ly thân nhau từ đầu tháng 6 năm 2019 cho đến nay, không còn sự chia sẻ, quan tâm đến nhau. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh A trên thực tế đã không còn, mâu thuẫn thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy HĐXX cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

[4] Về con chung: Chị T và anh A có 02 con chung là Đào Tiến D, sinh ngày 13/9/2006 và Đào Như Q, sinh ngày 19/4/2008. Chị T có nguyện vọng được

nuôi cả hai con. Tại biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ anh A đồng ý giao cả hai con cho chị T nuôi dưỡng. HĐXX xét thấy việc giao cả hai con chung cho chị Bùi Thị T nuôi dưỡng chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp nên căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận. Việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xét.

[6] Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị T và anh Đào Tiến A.

2. Về nuôi con chung: Giao con Đào Tiến D, sinh ngày 13/9/2006 và Đào Như Q, sinh ngày 19/4/2008 cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền trên chị T đã nộp đủ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0013491 ngày 10 tháng 9 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Về quyền kháng cáo:

Chị Bùi Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Đào Tiến A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án

dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Lê Chân;
- UBND P. Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, Hải Phòng (GCNKH ngày 14/01/2006);
- Chi cục THA dân sự quận Lê Chân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Hồng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
theo**

Nguyễn Thị Tuyết Hồng